Tổ:

Họ tên giáo viên:

|  |  |
| --- | --- |
| **Tuần:** **Tiết:**  | **BÀI TẬP CUỐI CHƯƠNG II**  |

Môn học/Hoạt động giáo dục: Đại số; lớp: 9

Thời gian thực hiện: (02 tiết)

**I. Mục tiêu:** Sau khi học xong bài này học sinh có khả năng:

**1. Về kiến thức:**

- Ôn tập, tổng kết toàn bộ nội dung kiến thức của cả chương II về phương trình và bất phương trình bậc nhất 1 ẩn.

- Giải được phương trình tích, phương trình chứa ẩn ở mẫu, giải bpt bậc nhất 1 ẩn

- Áp dụng các tính chất của bđt, cách giải pt, bpt vào 1 số dạng bài tập liên quan và các bt có nội dung thực tế.

**2. Về năng lực:**

**\* Năng lực chung:**

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp. Đọc SGK, trả lời các câu hỏi

 trong SGK, câu hỏi trên lớp.

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ. Học sinh trình bày vấn đề, lắng nghe phân tích, thảo luận nhóm.

- Năng lực giải quyết vấn đề: Vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề thực tiễn liên quan đến bài học.

\* **Năng lực Toán học:**

- Giúp học sinh chuyển đổi ngôn ngữ, từ ngôn ngữ thông thường sang đọc (nói), viết, tính toán.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ, miệt mài, chú ý lắng nghe, đọc, làm bài tập, vận dụng kiến thức để giải một số bài toán.

- Trung thực thể hiện ở bài toán vận dụng thực tiễn.

- Trách nhiệm của học sinh khi hoạt động học tập cá nhân, thực hiện hoạt động nhóm, báo cáo kết quả hoạt động nhóm,…

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên:** KHBD, máy tính cầm tay, sơ đồ tư duy tóm tắt kiến thức.

**2. Học sinh:** SGK, vở, bút, máy tính cầm tay, bài tập nhóm trên giấy khổ lớn hoặc bảng nhóm vẽ sơ đồ tư duy tóm tắt kiến thức.

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1:** Mở đầu

**a) Mục tiêu:** Kích thích tính ham học hỏi của học sinh.

**b) Nội dung:** Thi “ Vòng quay may mắn”

**c) Sản phẩm:** Chọn đúng đáp án của các câu trắc nghiệm ( trong sgk)

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Hoạt động của GV và HS** | **Tiến trình nội dung** |
| --- | --- |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:** GV nêu cách chơi ở phần khởi động.**\* HS thực hiện nhiệm vụ:** - 5 HS xung phong lên tham gia trò chơi lần lượt chọn câu hỏi số 1, 2, 3, 4 hoặc 5 và quay chọn điểm. - Có 8 giây để suy nghĩ và 5 hs cùng chọn đáp án.**\* Báo cáo, thảo luận**- HS giơ biển chọn 1 đáp án A, B, C, D- HS khác nhận xét, bổ sung ( nếu sai)**\* Kết luận, nhận định:** - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.- Tổng kết điểm và trao thưởng. | **Câu 1: Nghiệm của bất phương trình** **–2x+1<0 là :****Câu 2: Điều kiện xác định của phương trình là:****Câu 3: Phương trình x – 1 = m + 4 có nghiệm lớn hơn 1 với****Câu 4. Nghiệm của bất phương trình là****Câu 5. Cho a > b khi đó** |

**Hoạt động 2: Luyện tập, vận dụng:**

**a) Mục tiêu:** - HS hệ thống lại được kiến thức trong chương II và vận dụng được vào các bài toán liên quan trong chương.

**b) Nội dung:**-HS tìm hiểu nội dung kiến thức về phương trình, bất phương trình theo SĐTD và dẫn dắt của GV, thảo luận trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** HS ghi nhớ và vận dụng kiến thức chương II để thực hành làm các bài tập trong SGK và của GV.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***2.1. Hoạt động ôn tập kiến thức***

**a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức chương II theo sơ đồ tư duy.

**b) Nội dung:** Trình bày SĐTD của 1 số nhóm đã chuẩn bị.

**c) Sản phẩm:** SĐTD của các nhóm

**d) Tổ chức thực hiện:**

**\* GV giao nhiệm vụ học tập:**

- HS các nhóm dán SĐTD đã chuẩn bị để các nhóm khác xem và nhận xét

**\* HS thực hiện nhiệm vụ:**

- HS 4 nhóm dán SĐTD

- HS thảo luận và nêu nhận xét.

**\* Báo cáo, thảo luận**

- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung ( nếu cần)

**\* Kết luận, nhận định:**

**-** GV nhận xét, bổ sung.

***2.2. Một số dạng BT***

**a) Mục tiêu:** Vận dụng KT chương II vào giải quyết 1 số dạng BT

**b) Nội dung:** Giải các BT liên quan trong SGK

**c) Sản phẩm:** Lời giải của cá nhân, của các nhóm.

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Hoạt động của GV và HS** | **Tiến trình nội dung** |
| --- | --- |
| **Dạng 1: Giải các phương trình, bất phương trình sau:****\* GV giao nhiệm vụ học tập:** HS làm bt dạng 1.**\* HS thực hiện nhiệm vụ:** HS hoạt động cá nhân. **\* Báo cáo, thảo luận:**- 3 HS trình bày trên bảng.- HS khác nhận xét, bổ sung.**\* Kết luận, nhận định:** **-** GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.- Lưu ý hs phần đkxđ và đối chiếu đk ở câu 2.27b**Dạng 2: Bài toán thực tế:****BT 2.30****\* GV giao nhiệm vụ học tập:** HS đọc đề bài.a) Hãy viết một phương trình xác định thời gian gọi (phút) mà phí phải trả cho cùng 1 tháng của 2 gói cước là như nhau và giải phương trình đó.b) Nếu khách hàng chỉ gọi tối đa 180 phút trong 1 tháng thì nên dùng gói cước nào? Nếu khách hàng gọi 500 phút trong 1 tháng thì nên dùng gói cước nào?**\* HS thực hiện nhiệm vụ:** HS hoạt động nhóm 2 bàn. **\* Báo cáo, thảo luận:**- Các nhóm HS trình bày trên ra phiếu học tập.- Chiếu nd phiếu ht của 1 số nhóm - Nhóm HS khác nhận xét, bổ sung.**\* Kết luận, nhận định:** - GV chính xác hóa các kết quả và nhận xét mức độ hoàn thành của các nhóm HS. **BT 2.31****\* GV giao nhiệm vụ học tập:** HS đọc đề bài trong SGK**\* HS thực hiện nhiệm vụ:** HS hoạt động theo 4 nhóm lớn. **\* Báo cáo, thảo luận:**- Các nhóm HS trình bày trên ra bảng phụ- Dán bảng phụ để hs theo dõi- Nhóm HS khác nhận xét chéo, chấm điểm.**\* Kết luận, nhận định:** - GV ktra các kết quả và nhận xét phần trình bày của các nhóm HS. **BT 2.32****\* GV giao nhiệm vụ học tập:** HS đọc đề bài trong SGK**\* HS thực hiện nhiệm vụ:** HS hoạt động cá nhân theo vận dụng 6. **\* Báo cáo, thảo luận:**- HS trình bày ra vở- 1 hs lên bảng tr/bày- HS khác nhận xét.**\* Kết luận, nhận định:** - GV ktra vở 1 số hs, hướng dẫn hs TB, yếu- Chốt kq và trình bày cho hs.  | **Dạng 1: Giải các phương trình, bất phương trình sau:**2.26a)2.27b) 2.29a) Kết quả:2.26a) PT đã cho có 2 nghiệm: 2.27b) PT đã cho có 1 nghiệm: 2.29a) BPT có nghiệm: **Dạng 2: Bài toán thực tế:****2.30. (sgk/tr 42)**HD:a) Gọi số phút gọi trong 1 tháng là x (phút, x>0)Số phút phải trả tiền theo gói cước A là: x - 45 (phút).Phí phải trả theo gói cước A là: 32 + (x – 45).0,4 (USD)Phí phải trả theo gói cước B là: 44 + 0,25x (USD)Để phí phải trả cho 2 gói cước là như nhau thì ta có phương trình: 32 + (x – 45).0,4 = 44 + 0,25x  32 + 0,4x – 18 = 44 + 0,25x  0,15x = 30 x = 200 ( thỏa mãn đk)Vậy nếu khách hàng dùng khoảng 200 phút trong 1 tháng thì số phí phải trả cho 2 gói cước là như nhau.b) Xét bất phương trình: 32 + (x – 45).0,4 > 44 + 0,25x  32 + 0,4x – 18 > 44 + 0,25x  0,15x > 30 x > 200Vậy nếu khách hàng chỉ dùng tối đa 180 phút trong 1 tháng thì nên dùng gói cước A.Nếu khách hàng dùng khoảng 500 phút trong 1 tháng thì nên dùng gói cước B.**2.31.** Giải:Gọi x là số điểm Thanh làm được trong bài ktra viết ( )Vì điểm TB của 3 bài nghe, nói, đọc là 6,7 nên tổng điểm của 3 bài sẽ khoảng: 6,7.3=20,1 Do điểm ktra là số nguyên nên tổng 3 bài là 20 Nên tổng điểm của 4 bài ktra sẽ là: x+20 Điểm TB của cả 4 bài là: (x+20):4Để điểm TB của 4 bài được 7 trở lên thì ta có:Vậy Thanh cần làm bài thi viết ít nhất 8 điểm để điểm TB cả 4 bài được từ 7,0 trở lên.**2.32. *Để lập đội tuyển năng khiếu bóng rổ của trường, thầy thể dục đưa ra quy định tuyển chọn như sau: mỗi bạn dự tuyển sẽ đc ném 15 quả bóng vào rổ, quả bóng vào rổ được cộng 2 điểm; quả bóng ném ra ngoài bị trừ 1 điểm. Nếu bạn nào có số điểm từ 15 trở lên thì sẽ được chọn vào đội tuyển. Hỏi 1 hs muốn được chọn vào đội tuyển thì phải ném ít nhất bao nhiêu quả vào rổ?******HD:*** Gọi x là số lần ném bóng vào rổ thì số lần ném bóng ra ngoài là 15-xSố điểm mà người ứng tuyển có được là: 2x - (15-x).1= 3x - 15Để đc chọn vào đội tuyển thì: Vậy cần ném ít nhất 10 quả bóng vào rổ thì hs đó mới được chọn. |

 **⏩ Hướng dẫn tự học ở nhà**

- Đọc mục “ CÓ THỂ EM CHƯA BIẾT’ trong sgk trang 43

- Xem lại các BT đã chữa

- Làm bài tập còn lại trong SGK.

- nghiên cứu trước bài 7: “CĂN BẬC 2 VÀ CĂN THỨC BẬC 2”

 \*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*